

Bản án số: **93/2019/HS-ST**
Ngày: 24/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Xuyên

Ông Trần Khắc Viện

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2019/TLST-HS, ngày 19 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; vợ: Trịnh Thị Q, sinh năm 1989; có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 31/10/2016, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 24 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ”. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST, ngày 13/3/2017 thi hành xong án phí; ngày 30/4/2018 thi hành xong thời gian thử thách (do được xét giảm thời gian thử thách của án treo).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Người làm chứng: Chị Trịnh Thị Q, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 31/5/2019, anh Nguyễn Văn H (chủ cửa hàng Vật liệu xây dựng Đức Tiến) bảo anh Trần Văn P và anh Nguyễn Văn V (là công nhân của cửa hàng Vật liệu xây dựng Đức Tiến) đến cửa hàng buôn bán vật liệu xây dựng M Q để xem việc cửa hàng M Q nhập xi măng Tân Quang từ đâu đến, sau đó báo cho công ty Cổ phần xi măng Tân Quang để xử phạt người đã giao xi măng cho cửa hàng M Q vì lý do cửa hàng Vật liệu xây dựng Đức Tiến được Công ty Cổ phần xi măng Tân Quang cho phép buôn bán trong vùng thị trường xã T1, xã N và xã Đ, huyện S. Anh V và anh P đồng ý. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến gần nhà M, P đưa điện thoại của mình để V chụp ảnh xe ô tô đang giao hàng xi măng Tân Quang cho cửa hàng M Q, còn anh P đi mua thuốc lá ở gần đó. Khi anh V đang quay phim, chụp ảnh thì chị Trịnh Thị Q (vợ M) hô lên: *“Anh M ơi, có thằng nào vào đang quay phim”*; lúc này Nguyễn Văn M (chủ cửa hàng Vật liệu xây dựng M Q) đang bốc hàng trên ô tô nhảy xuống hỏi anh V: *“Mày là thằng nào, quay phim nhà tao làm gì, định ăn cắp ăn trộm gì à”*, anh V bỏ chạy, M đuổi theo khoảng 30m thì bắt được anh V, M dùng tay phải tát ngang từ trái qua phải trúng phần mặt bên phải của anh V, M kéo lê anh V vào trong sân nhà mình rồi dùng dây thừng dài 04m đường kính dây 01cm, màu trắng trói hai chân và tay trái của anh V lại để báo Công an xã Đ, huyện S đến giải quyết. M lấy điện thoại nhãn hiệu OPPO F3 trên tay anh V đưa cho chị Q và để lên bàn uống nước. Lúc này, anh P chờ ở bên ngoài nhưng không thấy anh V ra nên đã vào khu vực cửa hàng M Q thấy anh V bị trói nằm dưới đất, anh P vào cởi trói cho anh V thì M nói: *“Thế chúng mày đến nhà tao quay phim chụp ảnh nhằm mục đích gì”*, anh P nói: *“Quay phim chụp ảnh không ảnh hưởng đến nhà anh”*, M vung tay trái lên, tát ngang từ trái sang phải trúng vùng má cổ gáy bên phải của anh P và nói: *“Không chạy được đâu, chờ công an đến giải quyết”*. Khoảng 10 phút sau thì Công an xã Đ, huyện S đến làm việc, cởi trói cho anh V và lập biên bản làm việc.

Tại Cáo trạng số 94/CT-VKSSD, ngày 16/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố Nguyễn Văn M về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo tội danh, điều luật và đề nghị:

- Tuyên bố Nguyễn Văn M phạm tội: “Bắt người trái pháp luật”
- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 đến 20 tháng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, khoản tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của Nguyễn Văn M

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của người bị hại và toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 31/5/2019, tại thôn C, xã Đ, huyện S; Nguyễn Văn M đã có hành vi dùng dây thừng bắt, trói chân, tay anh Nguyễn Văn V. Sau đó Công an xã Đ, huyện S đến làm việc và cởi trói cho anh V.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến một trong những quyền cơ bản của công dân là tự do về thân thể và đi lại, đồng thời gây tổn thất về tinh thần của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa P. Vì vậy, cần phải có mức án tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Văn M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo thực hiện việc trói, bắt người là do bị hại đã có hành vi tự ý quay phim, chụp ảnh khu vực kinh doanh của gia đình bị cáo, tại phiên tòa người bị hại đã xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; UBND xã nơi bị cáo cư trú đề nghị xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa P. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo.

Mặc dù bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển P tiện tham gia giao thông đường bộ” nhưng thuộc trường hợp không bị coi là có án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự; tội phạm mà bị cáo thực hiện đối với bị hại là tội ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX thấy rằng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở trên thì không cần phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được cải tạo tại địa P cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[2] Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M và bị hại Nguyễn Văn V thỏa thuận bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại với tổng số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Do trước đó bị cáo đã tự nguyện nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng), nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Xét thấy, việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận trên.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn P không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F3 của anh Trần Văn P, ngày 01/6/2019 đã trả lại cho chủ sở hữu nên HĐXX không xem xét. Ngoài ra còn thu giữ 01 đoạn dây thừng màu trắng, 01 chiếc quần màu đen và 01 chiếc áo phông cộc tay màu hồng xám đều có giá trị sử dụng không cao, không ai đề nghị nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với việc bị cáo M đưa điện thoại của anh V cho Trịnh Thị Q mục đích để giao nộp cho Công an xã Đ, cơ quan điều tra không đề cập xử lý Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi bị cáo Nguyễn Văn M tát anh Nguyễn Văn V và anh Trần Văn P nhưng các bị hại đều từ chối giám định thương tích nên hành vi của bị cáo M không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển tài liệu liên quan đến Trưởng Công an huyện S xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; dân sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 157, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 592 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội: “Bắt người trái pháp luật”.

1. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng; hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/9/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường dân sự như sau: Bị cáo Nguyễn Văn M có nghĩa vụ bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại Nguyễn Văn V tổng số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), được trừ đi số tiền bị cáo đã nộp trước là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Bị hại Nguyễn Văn V được nhận số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do bị cáo tự nguyện nộp trước (hiện đã được chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

Khoản tiền phải bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại Nguyễn Văn V có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn M chậm bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 dây thừng màu trắng dài; 01 chiếc quần màu đen và 01 chiếc áo phông cộc tay màu hồng xám (*tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/8/2019 giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương*).

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Tuyết Mai